

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

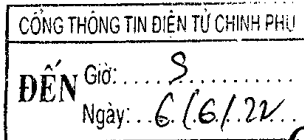
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 30 tháng 5 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021- 2025
theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị
quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường
vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu
tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ
phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-
2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 1827/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

Tổng số vốn được giao: 4.500 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đã thực hiện kế hoạch 02 năm 2021 và 2022 là 1.300 tỷ đồng;
- Vốn kế hoạch 2023 - 2025 là 3.200 tỷ đồng, phân bổ:
- + Ngân sách tỉnh được hưởng là 1.984 tỷ đồng, trong đó nguồn thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất (cấp tỉnh thực hiện) là 1.680 tỷ đồng;
- + Ngân sách cấp huyện 1.216 tỷ đồng.

(Chi tiết kế hoạch theo phụ biểu gửi kèm)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ kết quả thực hiện 02 năm 2021 - 2022, số vốn cân đối vốn giai đoạn 2023 - 2025:

- Thông báo vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 cho UBND cấp huyện để làm căn cứ cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các cấp huyện, xã.

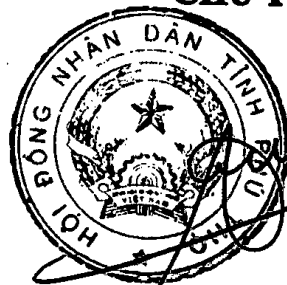
- Tổng hợp cân đối vốn đầu tư ngân sách địa phương còn lại giai đoạn 2023 - 2025; rà soát các dự án, xác định thứ tự ưu tiên để phân bổ cho các dự án, công trình thuộc ngân sách cấp tỉnh, đảm bảo theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức ban hành tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 09 tháng 12 năm 2021; tổng hợp báo cáo trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Nhất thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Trung tâm CNTT và TT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, CTHĐND (T).

CHỦ TỊCH**Bùi Minh Châu**

PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1535/QĐ-TTg NGÀY 15/9/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
 (Kèm theo Nghị quyết số: 04/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao giai đoạn 2021-2025	Đã phân bổ năm 2021			Đã phân bổ năm 2022			Phân bổ giai đoạn 2023-2025		
			Tổng số	Ngân sách các cấp theo tỷ lệ điều tiết		Tổng số	Ngân sách các cấp theo tỷ lệ điều tiết		Tổng số	Ngân sách các cấp theo tỷ lệ điều tiết	
				Cấp tỉnh	Cấp huyện, cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp huyện, cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp huyện, cấp xã
	Tổng cộng	4 500 000	650 000	272 000	378 000	650 000	258 000	392 000	3 200 000	1 984 000	1 216 000
I	Các huyện, thị, thành	2 550 000	540 000	162 000	378 000	490 000	98 000	392 000	1 520 000	304 000	1 216 000
1	Thành phố Việt Trì	835 000	170 000	51 000	119 000	165 000	33 000	132 000	500 000	100 000	400 000
2	Thị xã Phú Thọ	285 000	60 000	18 000	42 000	55 000	11 000	44 000	170 000	34 000	136 000
3	Huyện Đoan Hùng	100 000	20 000	6 000	14 000	20 000	4 000	16 000	60 000	12 000	48 000
4	Huyện Hạ Hoà	100 000	20 000	6 000	14 000	20 000	4 000	16 000	60 000	12 000	48 000
5	Huyện Thanh Ba	185 000	40 000	12 000	28 000	35 000	7 000	28 000	110 000	22 000	88 000
6	Huyện Phù Ninh	135 000	30 000	9 000	21 000	25 000	5 000	20 000	80 000	16 000	64 000
7	Huyện Yên Lập	170 000	40 000	12 000	28 000	30 000	6 000	24 000	100 000	20 000	80 000
8	Huyện Cẩm Khê	170 000	40 000	12 000	28 000	30 000	6 000	24 000	100 000	20 000	80 000
9	Huyện Tam Nông	100 000	20 000	6 000	14 000	20 000	4 000	16 000	60 000	12 000	48 000
10	Huyện Lâm Thao	135 000	30 000	9 000	21 000	25 000	5 000	20 000	80 000	16 000	64 000
11	Huyện Thanh Sơn	135 000	30 000	9 000	21 000	25 000	5 000	20 000	80 000	16 000	64 000
12	Huyện Thanh Thủy	125 000	25 000	7 500	17 500	25 000	5 000	20 000	75 000	15 000	60 000
13	Huyện Tân Sơn	75 000	15 000	4 500	10 500	15 000	3 000	12 000	45 000	9 000	36 000
II	Cấp tỉnh	1 950 000	110 000	110 000		160 000	160 000		1 680 000	1 680 000	